CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP DS3

Ngày 30/09/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**14.0%**	**16.1%**

DT thuần
Q3/25
11.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.4| -63.6%
YoY: ▲ 1.72| 17.0%

LN thuần
Q3/25
3.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.79| -45.4%
YoY: ▲ 3.08| 1100%

LN sau thuế
Q3/25
3.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.82| -36.0%
YoY: ▲ 2.77| 589%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
34.4%
YoY: +/-▲ 15.5%

ROE (TTM)
Q3/25
19.2%
YoY: +/-▲ 2.7%

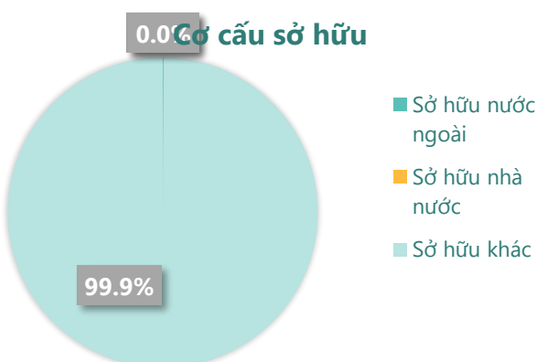
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,800 - 6,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69
Số lượng CPLH (CP)	10,669,730
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,875
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.65
EPS	1,655
P/E	3.9

DT thuần
9T 2025
52.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 31.1| 147%

LN thuần
9T 2025
10.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.23| 1072%

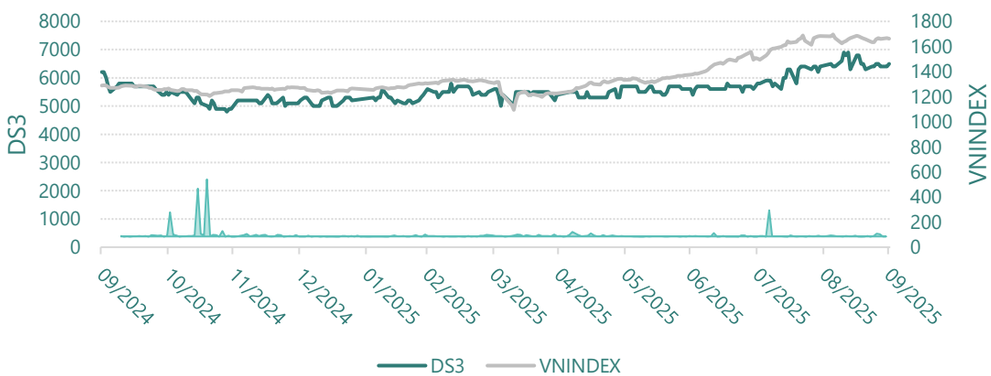
LN sau thuế
9T 2025
8.93
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.87| 744%

Cơ cấu sở hữu

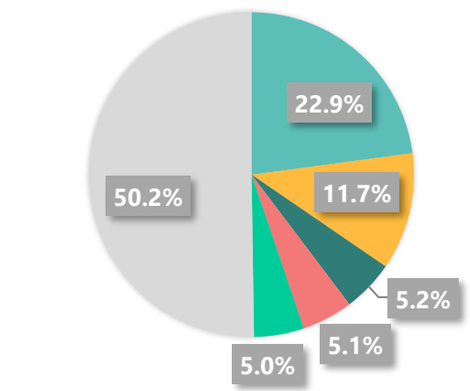


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



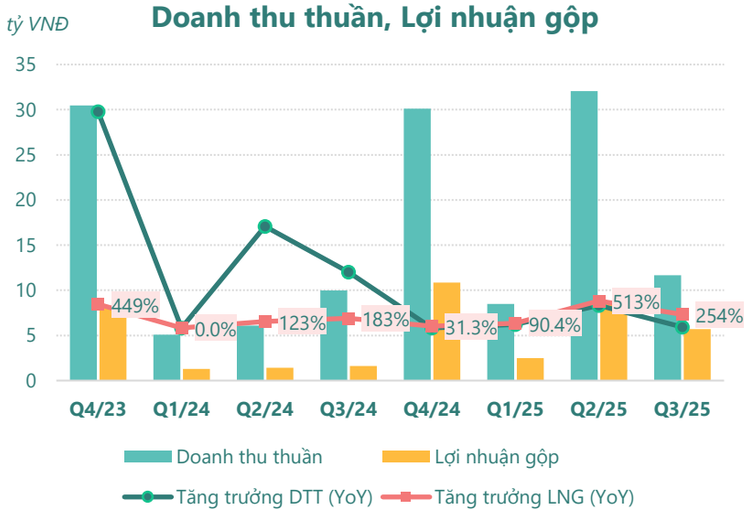
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

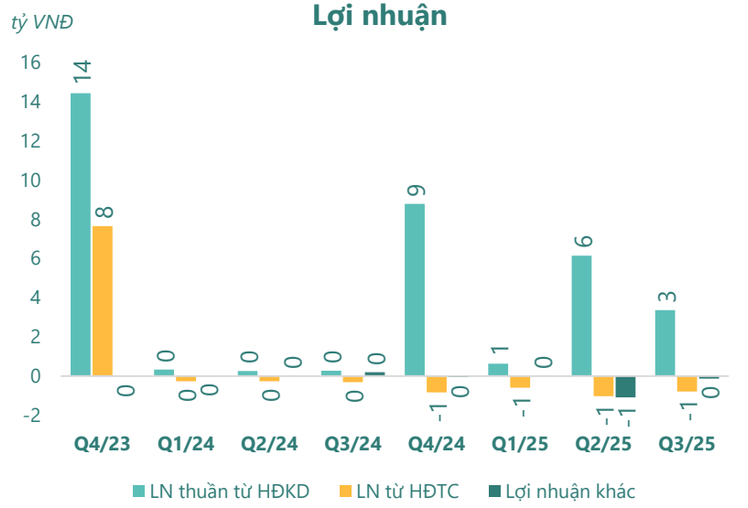
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



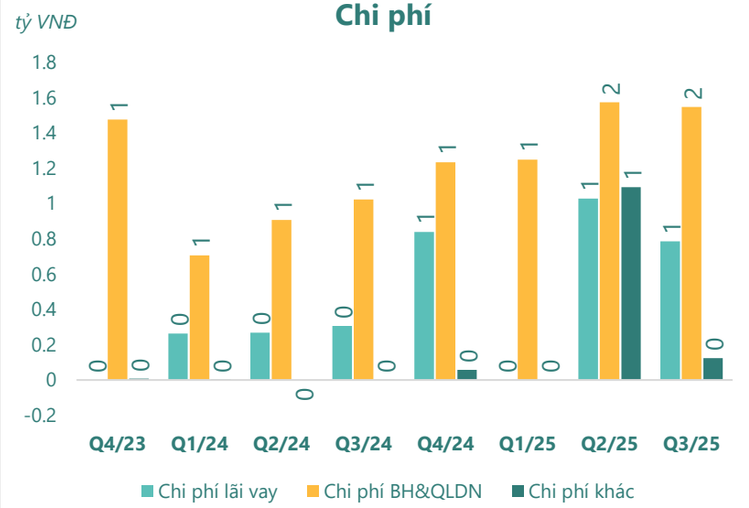
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



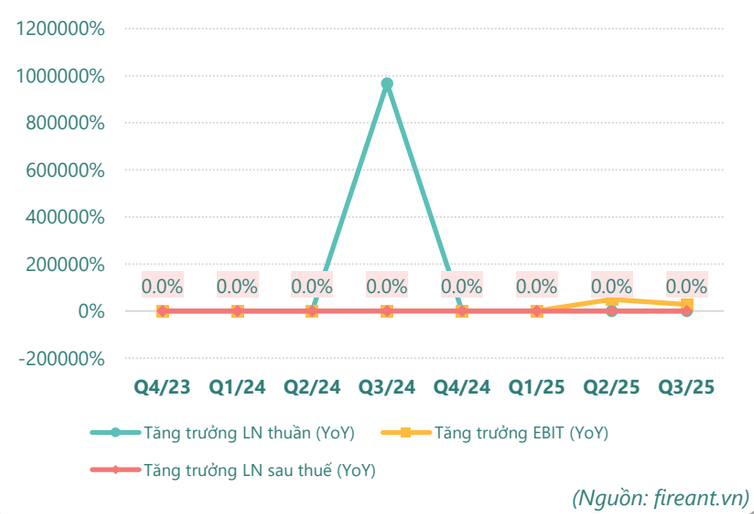
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



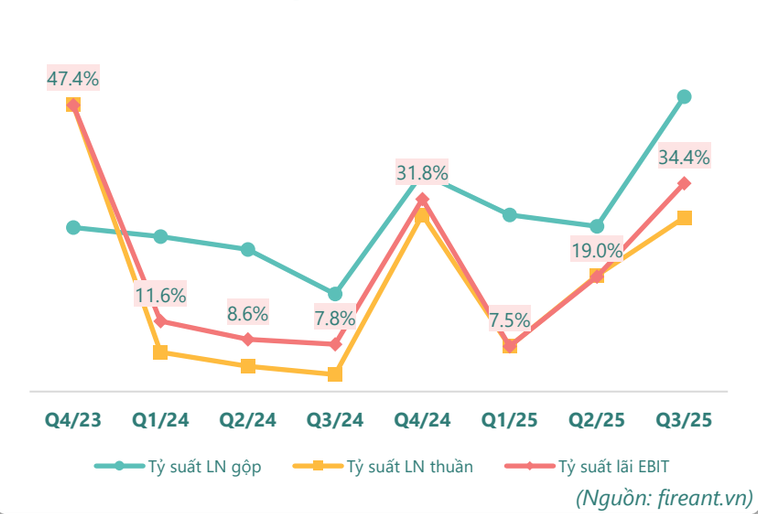
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



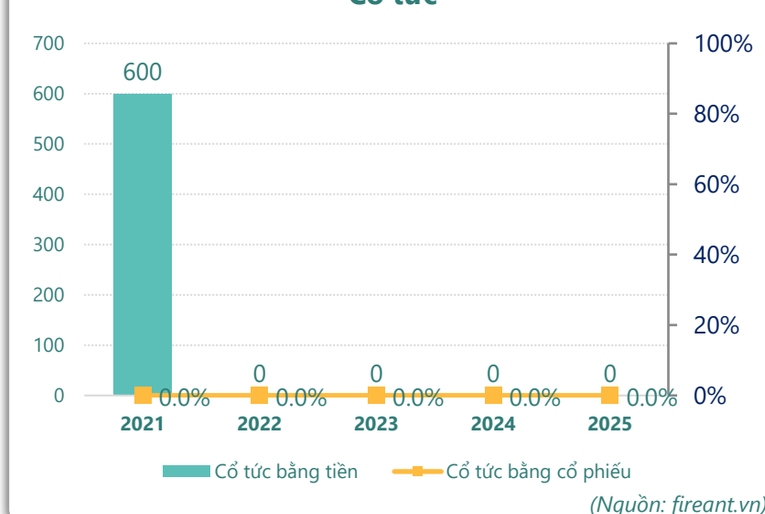
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

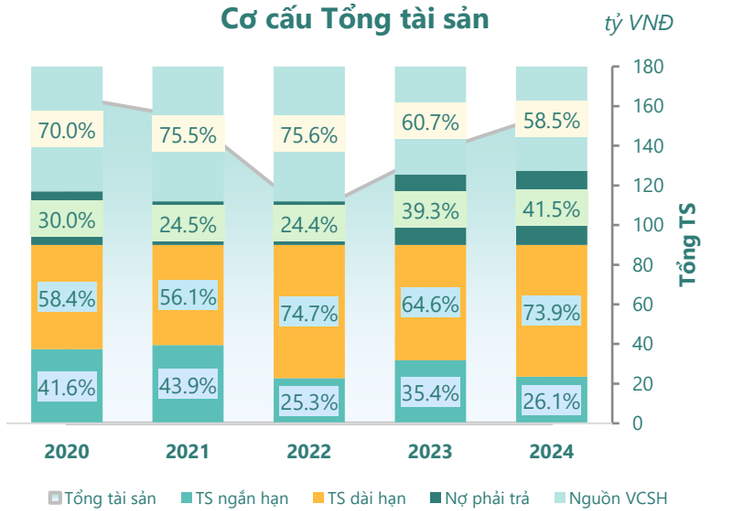
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

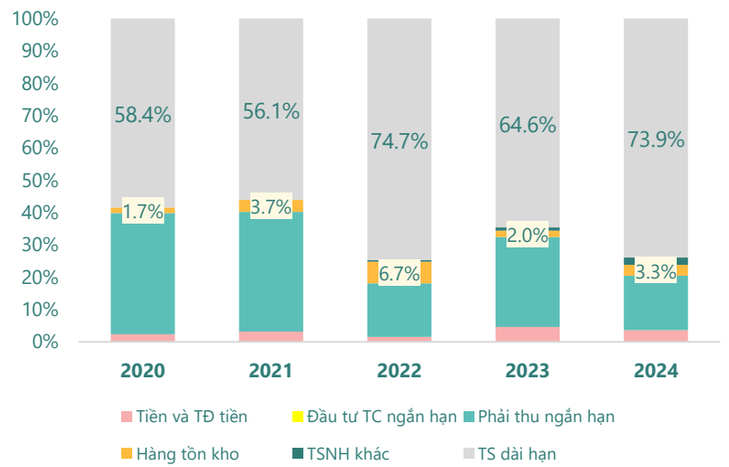
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



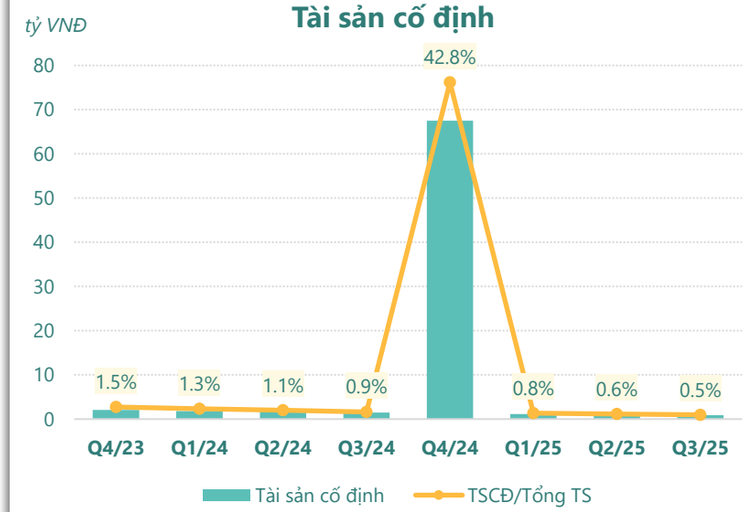
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



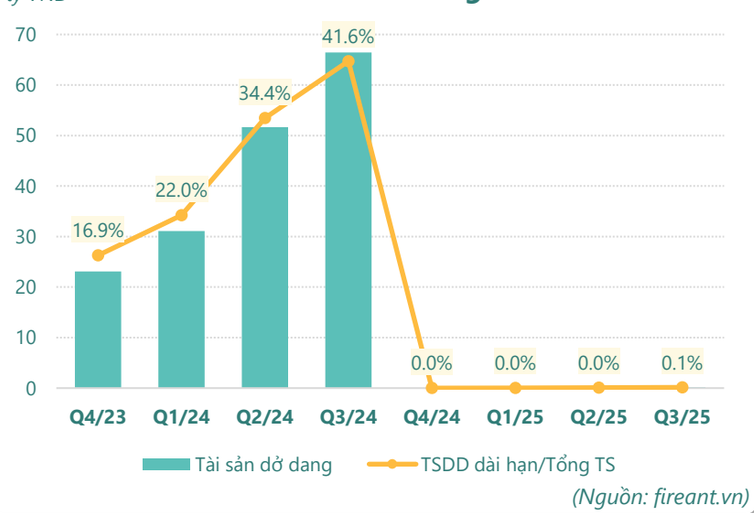
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



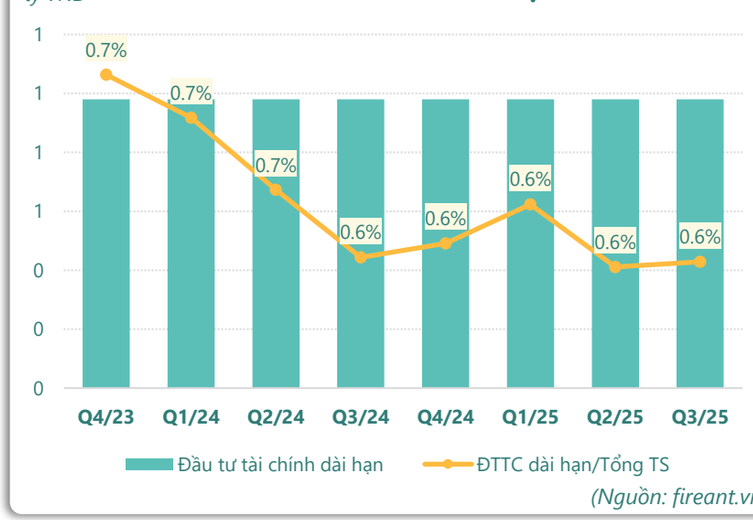
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



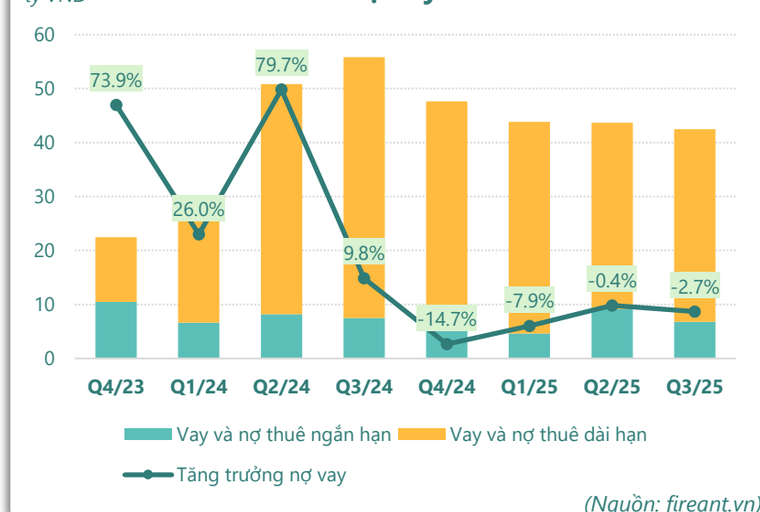
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

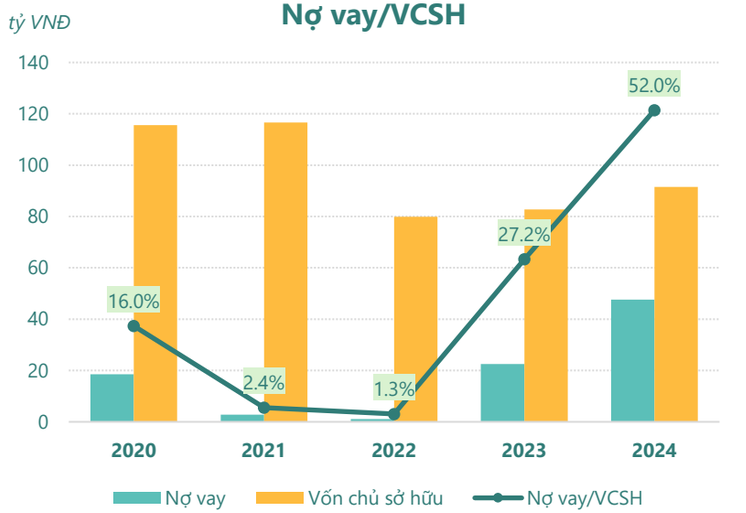
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

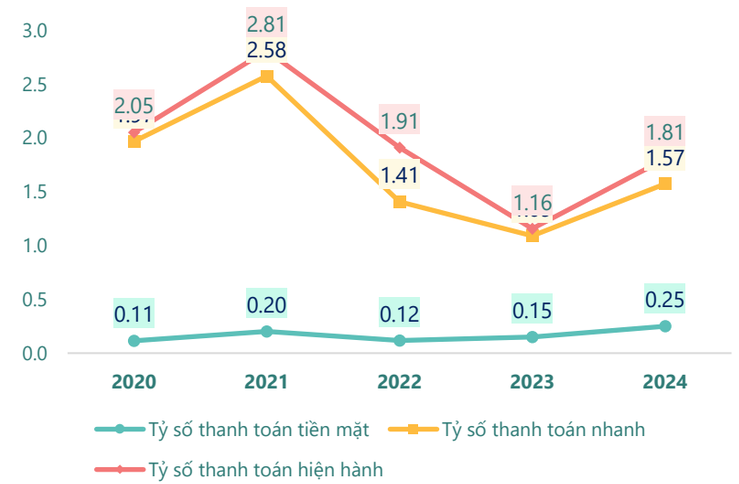
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



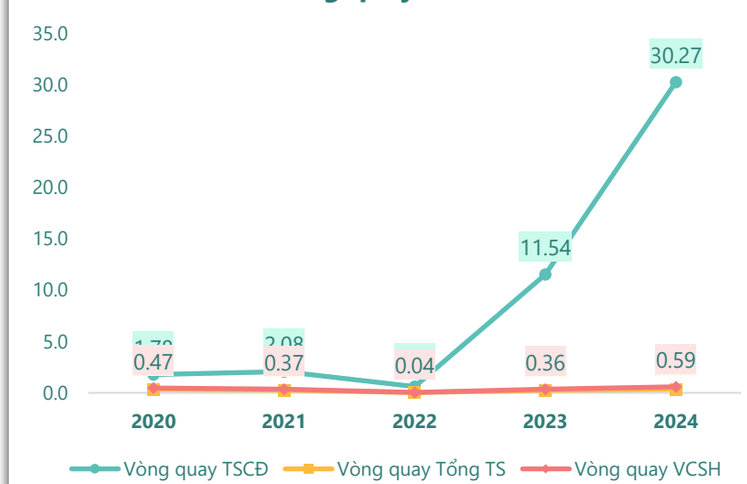
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



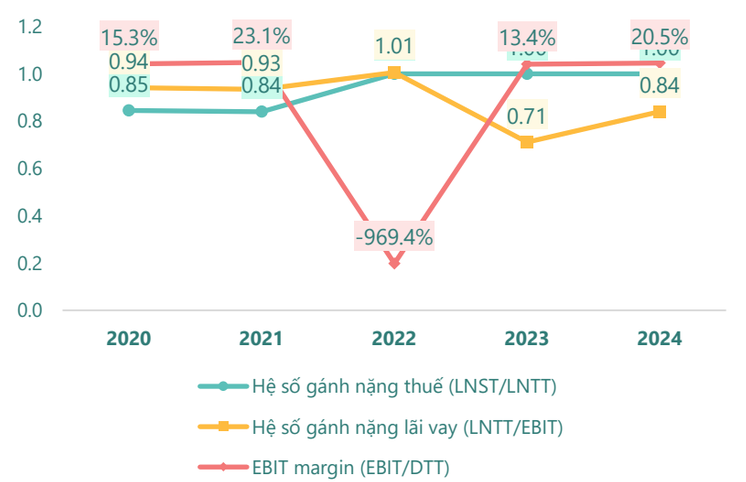
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



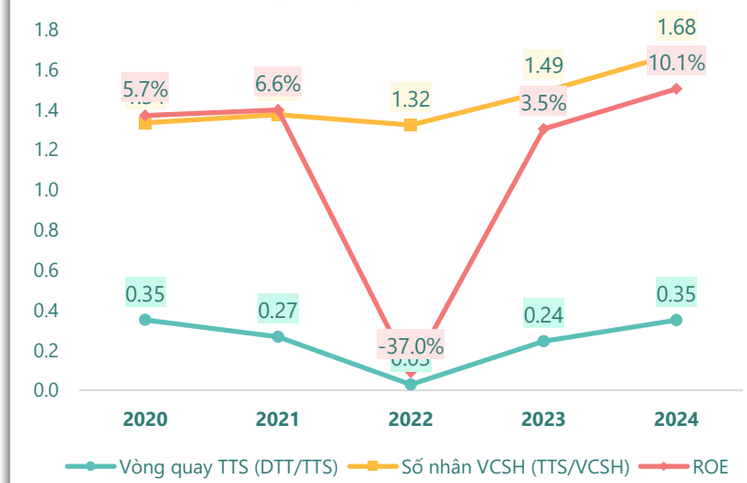
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



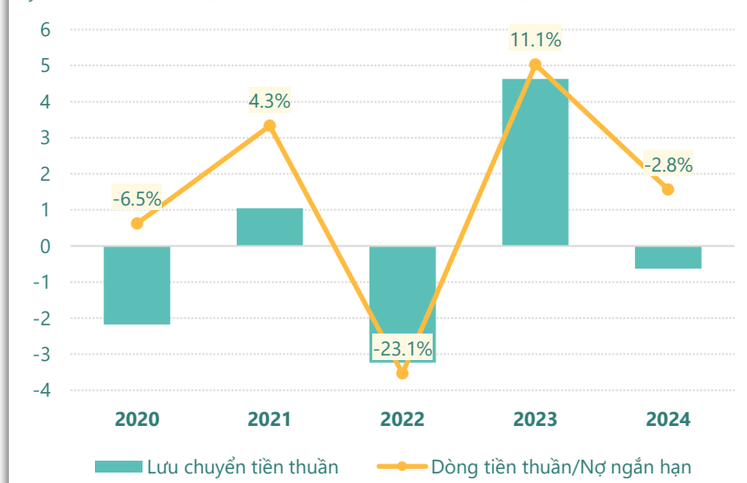
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**11.7**	**9.98**	**17.0%**	**52.2**	**21.1**	**147%**
Giá vốn hàng bán	5.99	8.37	-28.5%	35.3	16.8	110%
Lợi nhuận gộp	5.69	1.61	254%	16.9	4.34	290%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	77.3%
Chi phí TC	0.79	0.31	153%	2.41	0.84	188%
Chi phí lãi vay	0.79	0.31	153%	1.81	0.84	117%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.55**	**1.02**	**51.7%**	**4.37**	**2.64**	**65.8%**
LN thuần từ HĐKD	3.36	0.28	1100%	10.1	0.87	1072%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**0.19**	**-165%**	**-1.22**	**0.19**	**-732%**
LN trước thuế	3.24	0.47	589%	8.93	1.06	744%
Lợi nhuận sau thuế	**3.24**	**0.47**	**589%**	**8.93**	**1.06**	**744%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.24**	**0.47**	**589%**	**8.93**	**1.06**	**744%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.93	-22.3	39.7	0.97	3.12	-3.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.3	29.7	-40.9	0.00	-0.07	-0.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.5	-6.06	2.86	-3.77	-0.17	-1.17
Tiền đầu kỳ	3.47	2.67	3.99	5.65	2.85	5.73
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.79**	**1.32**	**1.66**	**-2.80**	**2.88**	**-5.37**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.67	3.99	5.65	2.85	5.73	0.36

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**160**	**156**	**2.5%**
Tài sản ngắn hạn	49.5	40.8	21.2%
Tiền và tương đương tiền	0.36	5.65	-93.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.8	26.3	55.0%
Hàng tồn kho	6.56	5.23	25.3%
Tài sản ngắn hạn khác	1.72	3.60	-52.1%
Tài sản dài hạn	**111**	**116**	**-4.1%**
Phải thu dài hạn	47.0	47.0	0.0%
Tài sản cố định	0.87	1.30	-32.5%
Bất động sản đầu tư	53.8	56.1	-4.0%
Tài sản dở dang	0.14	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.98	0.98	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**8.00**	**10.2**	**-21.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	59.8	64.8	-7.7%
Nợ ngắn hạn	**24.1**	**22.6**	**6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.79	5.39	26.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	10.6	1.7%
Nợ dài hạn	35.7	42.2	-15.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.7	42.2	-15.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**100**	**91.5**	**9.8%**
Vốn chủ sở hữu	**100**	**91.5**	**9.8%**
Vốn điều lệ	107	107	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)